



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Hoạt động số 0026/NH-GP ngày 22 tháng 8 năm 1992

Giấy phép Hoạt động được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn là 99 năm kể từ ngày cấp.

Giấy phép Thành lập số 463/GP-UB ngày 1 tháng 9 năm 1992

Giấy phép Thành lập được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh/
Doanh nghiệp số**

0300872315 ngày 1 tháng 9 năm 1992

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300872315 ngày 22 tháng 10 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Toàn	Chủ tịch
Ông Trần Ngô Phúc Vũ	Phó Chủ tịch
Ông Phan Đình Tân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Mỹ	Phó Chủ tịch
Bà Võ Thị Tuyết Nga	Thành viên
Bà Đỗ Anh Thư	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Triệu Kim Cân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Thông tin về Ngân hàng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Ngọc Tâm	Tổng Giám đốc (từ ngày 11 tháng 5 năm 2018)
		Quyền Tổng Giám đốc (từ ngày 5 tháng 3 năm 2018 đến ngày 10 tháng 5 năm 2018)
	Bà Lương Thị Cẩm Tú	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 3 năm 2018)
	Bà Võ Thị Tuyết Nga	Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 3 năm 2018)
	Ông Lê Quang Quảng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Khải Hoàn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 9 tháng 4 năm 2018)

Kế toán Trưởng Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan

Người đại diện theo pháp luật Ông Nguyễn Quốc Toàn Chủ tịch

Trụ sở đăng ký Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám
Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 89 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Ngân hàng sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 2 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á (“Ngân hàng”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành vào ngày 26 tháng 2 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 89.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00309-19-1




Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 2 năm 2019

	Thuyết minh	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt, vàng	5	463.755
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	2.844.909
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	9.866.059
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	9.866.059	4.699.805
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác	49.417	113.750
3	Dự phòng rủi ro	(49.417)	-
IV	Chứng khoán kinh doanh	8	63.324
1	Chứng khoán kinh doanh	144.141	144.141
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(80.817)	(12.223)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		509
		-	
VI	Cho vay khách hàng	50.042.960	35.502.201
1	Cho vay khách hàng	50.814.947	36.345.540
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(771.987)	(843.339)
VIII	Chứng khoán đầu tư	11	9.041.087
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	3.836.046	4.696.948
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	5.320.257	5.673.424
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(115.216)	(190.305)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	414.145
1	Đầu tư vào công ty con	300.000	300.000
4	Đầu tư dài hạn khác	117.280	117.280
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(3.135)	(4.675)
X	Tài sản cố định	13	821.000
1	Tài sản cố định hữu hình	365.367	343.766
a	Nguyên giá	678.675	614.152
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(313.308)	(270.386)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	38.544	44.553
a	Nguyên giá	73.598	71.367
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(35.054)	(26.814)
3	Tài sản cố định vô hình	417.089	443.389
a	Nguyên giá	512.701	512.064
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(95.612)	(68.675)
XII	Tài sản Có khác	16	1.538.336
1	Các khoản phải thu	231.353	174.742
2	Các khoản lãi, phí phải thu	1.177.679	775.708
4	Tài sản Có khác	160.144	193.806
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(30.840)	(36.046)
	TỔNG TÀI SẢN	75.095.575	54.493.218

	Thuyết minh	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	NỢ PHẢI TRẢ		
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	17	1.770
			323.468
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	18	12.302.162
			7.624.322
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	10.799.106	6.779.286
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	1.503.056	845.036
III	Tiền gửi của khách hàng	19	54.254.038
			39.945.295
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	20	128.714
			13.839
VI	Phát hành giấy tờ có giá	21	2.605.723
			1.892.113
VII	Các khoản nợ khác	22	1.600.996
			1.053.628
1	Các khoản lãi, phí phải trả	1.224.166	890.543
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	376.830	163.085
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	70.893.403	50.852.665
	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII	Vốn chủ sở hữu	24	4.202.172
			3.640.553
1	Vốn của tổ chức tín dụng	3.356.079	3.023.748
a	Vốn điều lệ	3.353.494	3.021.166
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định	10	10
c	Thặng dư vốn cổ phần	2.550	2.547
g	Vốn khác	25	25
2	Các quỹ	301.795	213.806
5	Lợi nhuận chưa phân phối	544.298	402.999
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.202.172	3.640.553
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	75.095.575	54.493.218

	Thuyết minh	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I	NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN		
2	Cam kết giao dịch hối đoái Trong đó: <ul style="list-style-type: none">▪ Cam kết mua ngoại tệ▪ Cam kết bán ngoại tệ▪ Cam kết giao dịch hoán đổi	38 513.700	4.684.540
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	38 15.289	47.601
5	Bảo lãnh khác	38 267.464	382.042

Ngày 26 tháng 2 năm 2019

Người lập

Nguyễn Thị Thảo
Trưởng bộ phận Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát

Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt

Võ Thị Tuyết Nga
Phó Tổng Giám đốc

		Thuyết minh	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	5.246.705	3.939.416
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(3.545.892)	(2.756.009)
I	Thu nhập lãi thuần	25	1.700.813	1.183.407
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	26	113.052	75.899
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	26	(60.474)	(49.457)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	52.578	26.442
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	29.873	25.235
IV	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28	(68.594)	(3.468)
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	29.255	151.899
5	Thu nhập từ hoạt động khác	30	45.573	275.310
6	Chi phí hoạt động khác	30	(12.568)	(3.989)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	30	33.005	271.321
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	7.956	13.708
VIII	Chi phí hoạt động	32	(1.146.479)	(853.249)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		638.407	815.295
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	101.142	(520.687)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		739.549	294.608
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	(149.776)	(57.857)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34	-	-
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	34	(149.776)	(57.857)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		589.773	236.751

Ngày 26 tháng 2 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Thảo
Trưởng bộ phận Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát



Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt




Võ Thị Tuyết Nga
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	4.836.778	3.649.709
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(3.206.830)	(2.553.663)
03 Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	51.992	62.630
04 Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	63.040	169.131
05 (Chi phí)/thu nhập khác	(9.847)	1.883
06 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	42.472	175.141
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ	(935.854)	(703.762)
08 Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(93.218)	(19.080)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	748.533	781.989
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09 Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	364.233	(363.650)
10 Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	1.214.069	(907.700)
11 Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	509	(75)
12 Tăng các khoản cho vay khách hàng	(14.469.407)	(12.306.249)
13 Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(7)	(14.016)
14 (Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động	(12.174)	3.195.583
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
15 (Giảm)/tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(321.698)	320.515
16 Tăng tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	4.677.840	3.156.988
17 Tăng tiền gửi của khách hàng	14.308.743	5.841.404
18 Tăng phát hành giấy tờ có giá	713.610	1.857.863
19 Tăng/(giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	114.875	(6.775)
21 Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động	8.676	(32.654)
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7.347.802	1.523.223

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01 Mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương ứng	(94.245)	(73.879)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.692	115.579
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	7.956	41.381
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(84.597)	83.081
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01 Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	12	-
04 Cổ tức trả cho cổ đông	(844)	(665)
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(832)	(665)
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	7.262.373	1.605.639
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	5.912.350	4.306.711
VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 35)	13.174.723	5.912.350

Ngày 26 tháng 2 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Thảo
 Trưởng bộ phận Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát



Nguyễn Thị Mỹ Lan
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Võ Thị Tuyết Nga
 Phó Tổng Giám đốc